PHỤ LỤC

TỔNG HỢP THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2015

Loại thiệt hại	Loại hình thiên tai	Đơn vị	Các thiên tai khác	Hạn hán	Dông, lốc, sét	Lũ quét, sạt lở đất	Lũ 3/2015 miền Trung và trận lũ nhỏ khác	Lũ tại Bắc Bộ và T.Hóa 24/7-06/8	Bão số 1	Bão số 3 và mưa lũ sau bão	Lũ tại Bắc Bộ, Thanh Hóa, Nghệ An 17-22/9	Tổng cộng
NGƯỜI	Số người chết	người	-	-	60	1	18	34	14	4	8	**139**
	Số người mất tích	người	-	-	-	1	4	8	1	1	-	**15**
	Số người bị thương	người	-	-	80	-	5	23	15	1	3	**127**
NHÀ Ở	Nhà sập đổ, cuốn trôi	cái	11	-	705	2	26	340	147	-	11	**1.242**
	Nhà bị thiệt hại, tốc mái, xiêu vẹo	cái	704	-	11.510	3	223	1.668	1.239	91	108	**15.546**
	Nhà bị ngập nước	cái	383	-	343	-	297	14.491	152	575	3.446	**19.687**
NÔNG LÂM, NGHIỆP	Diện tích lúa bị thiệt hại	ha	5.968	198.549	7.088	1.237	12.106	16.992	5.078	547	9.841	**257.406**
	Mất trắng (trên 70%)	*ha*	690	50	1.409	-	22	6.991	79	-	-	**9.240**
	Diện tích mạ bị thiệt hại	ha	245	-	-	-	4	-	1.569	-	-	**1.818**
	Mất trắng (trên 70%)	*ha*	-	-	-	-	3	-	6	-	-	**9**
	Diện tích hoa, rau màu bị thiệt hại	ha	1.212	161.110	3.232	-	4.083	6.552	3.673	767	5.258	**185.886**
	Mất trắng (trên 70%)	*ha*	-	17.000	1.410	-	-	2.581	33	-	-	**21.024**
	Diện tích cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại	ha	-	42.578	662	-	-	256	-	-	2.306	**45.802**
	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày bị thiệt hại	ha	542	-	748	-	757	217	62	21	1.619	**3.966**
	Diện tích cây ăn quả bị thiệt hại	ha	-	-	7	-	-	1.087	179	190	-	**1.463**
	Đại gia súc bị chết	con	-	-	22	-	9	170	59	-	12	**272**
	Tiểu gia súc bị chết	con	68	-	520	-	8	1.040	149	-	585	**2.370**
	Gia cầm bị chết	con	550	-	1.677	618	4.300	32.442	4.831	-	19.030	**63.448**
THỦY LỢI	Chiều dài đê từ cấp III đến cấp đặc biệt bị sạt, trôi	m	-	-	-	-	-	2.232	70	-	724	**3.026**
	Chiều dài đê từ cấp IV trở xuống bị sạt, trôi	m	544	-	20	-	15	1.334	-	-	3.400	**5.313**
	Chiều dài kè bị sạt, trôi	m	2	-	-	-	-	5.422	3.390	-	700	**9.514**
	Chiều dài kênh mương bị sạt, trôi	m	974	-	229	974	18.788	67.388	4.926	-	22.008	**115.287**
	Chiều dài bờ biển, bờ sông, suối bị sạt, trôi	m	39.325	-	-	-	1.576	500	2.100	800	3.000	**47.301**
	Hồ chứa, đập bị sạt, trôi	cái	-	-	2	-	58	69	1	1	48	**179**
	Đường quốc lộ, tỉnh lộ bị thiệt hại	*tuyến*	-	-	-	2	23	44	7	1	15	**92**

Loại thiệt hại	Loại hình thiên tai	Đơn vị	Các thiên tai khác	Hạn hán	Dông, lốc, sét	Lũ quét, sạt lở đất	Lũ 3/2015 miền Trung và trận lũ nhỏ khác	Lũ tại Bắc Bộ và T.Hóa 24/7-06/8	Bão số 1	Bão số 3 và mưa lũ sau bão	Lũ tại Bắc Bộ, Thanh Hóa, Nghệ An 17-22/9	Tổng cộng
GIAO THÔNG	Chiều dài đường quốc lộ, tỉnh lộ bị ssạt, trôi	m	-	-	-	-	-	439	-	-	-	**439**
	Khối lượng đất đường quốc lộ, tỉnh lộ bị sạt, trôi	m^3	-	-	-	1.780	43.440	916.241	100.000	3.000	83.192	**1.147.653**
	Khối lượng đá, bê tông đường quốc lộ, tỉnh lộ bị sạt, trôi	m^3	-	-	-	-	-	-	50.890	-	-	**50.890**
	Chiều dài đường giao thông nông thôn bị sạt, trôi	m	6.885	-	2.100	7.343	22.119	18.868	17.840	35	785	**75.975**
	Khối lượng đất đường giao thông nông thôn bị sạt, trôi	m^3	-	-	10	2.100	8.575	751.907	8.937	2.747	33.268	**807.544**
	Khối lượng đá, bê tông đường giao thông nông thôn bị sạt, trôi	m^3	-	-	-	-	101.160	-	-	-	-	**101.160**
	Cầu, cống bị sạt, trôi	cái	12	-	9	10	6	44	30	1	24	**136**
THUỶ SẢN	Diện tích nuôi trồng thuỷ, hải sản bị sạt lở, cuốn trôi	ha	37	-	-	33	95	3.441	920	10	953	**5.488**
	Thiệt hại trên 70%	ha	-	-	-	-	3	2.158	-	-	-	**2.161**
	Diện tích nuôi tôm quảng canh bị thiệt hại	ha	-	-	-	-	-	226	-	-	-	**226**
	Thiệt hại trên 70%	ha	-	-	-	-	-	226	-	-	-	**226**
	Lồng, bè, nuôi tôm, cá bị thiệt hại	cái	-	-	-	-	-	2.380	-	201	2	**2.583**
	Phương tiện khai thác thuỷ, hải sản bị thiệt hại	cái	-	-	10	-	2	2	18	6	-	**38**
T.TIN L.LẠC	Tháp truyền hình, trạm thông tin bị thiệt hại	*cái*	-	-	2	-	-	-	-	-	1	**3**
	Thiết bị tài sản bị hư hại	triệu đ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**0**
	Cột thông tin bị đổ	cột	-	-	1	-	-	1	-	1	-	**3**
	Dây thông tin bị đứt	m	-	-	28.000	-	-	-	-	-	-	**28.000**
CÔNG NGHIỆP	Cột điện bị đổ gãy	cái	2	-	351	-	-	230	13	42	23	**661**
	Dây điện bị đứt	m	-	-	2.620	-	-	200	-	-	-	**2.820**
	Nhà máy, xí nghiệp, trang trại bị	***cái***	-	-	2	-	-	5	-	-	-	**7**
	Than bị trôi, mất	***tấn***	-	-	-	-	-	300.000	-	-	-	**300.000**
TỔNG THIỆT HẠI	**Tổng thiệt hại bằng tiền mặt**	***Triệu đồng***	**30.726**	**2.258.136**	**230.064**	**70**	**297.559**	**4.614.396**	**385.045**	**11.000**	**287.000**	**8.113.995**